



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1750*/KVN-KH

Tp Hồ Chí Minh, ngày *19* tháng *8* năm 2015

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của
Tổng công ty khí Việt Nam – CTCP

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Tổng công ty khí Việt Nam – CTCP (PV GAS)

Mã chứng khoán: GAS

Địa chỉ trụ sở chính: PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã
Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 37816777. Fax: (08) 37815666 – 37815777.

Loại thông tin công bố: định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của Tổng công ty khí Việt Nam – CTCP.**

Thông tin này đã được công bố trên mạng thông tin điện tử của PV Gas vào ngày *19/8*/2015 tại website <http://www.pvgas.com.vn>, chuyên mục Quan hệ cổ đông/Tài liệu cổ đông/Báo cáo tài chính năm 2015.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ƯNV
Nơi nhận:

- UBCKNN (Vụ Quản lý Phát hành Chứng khoán);
- SGDCK Tp HCM;
- HĐQT TCT (để báo cáo);
- PTGD P.Đ.Nam;
- Ban TC, KTKT;
- Lưu: VT, KH.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Mạnh Sơn

Deloitte.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

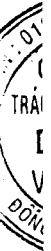
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Như Linh	Chủ tịch
Ông Dương Mạnh Sơn	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015)
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Dương Mạnh Sơn	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị (bỏ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2015)
Ông Trần Hưng Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Nam	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

011251
ÔNG
NHIỆM
ELOI
ỆT N
ĐA -

C.T.C.P
HỒ
CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Đăng Nam
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015



Số: 0006 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2015, từ trang 04 đến trang 41. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

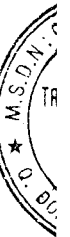


Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0042-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.560.338.038.773	30.160.859.029.425
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.050.901.584.225	20.982.219.958.289
1. Tiền	111		4.648.345.397.390	3.597.219.958.289
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.402.556.186.835	17.385.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	4.183.635.656.333	1.643.875.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.183.635.656.333	1.643.875.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.052.263.562.679	6.040.676.177.719
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.269.610.975.200	4.963.395.713.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	389.740.949.711	779.581.233.606
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	443.918.905.863	348.706.498.967
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(51.007.268.095)	(51.007.268.095)
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.073.140.941.846	1.118.578.019.612
1. Hàng tồn kho	141		1.135.569.803.711	1.181.006.881.477
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(62.428.861.865)	(62.428.861.865)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		200.396.293.690	375.509.873.805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	72.570.459.564	110.896.930.152
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		76.631.847.353	227.848.809.367
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	51.193.986.773	36.764.134.286
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.377.142.565.011	18.815.194.790.855
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.747.650.000	692.650.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.747.650.000	692.650.000
II. Tài sản cố định	220		10.466.676.689.432	11.798.128.471.950
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	10.201.883.427.428	11.530.994.109.508
- Nguyên giá	222		29.813.906.145.985	29.765.904.430.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.612.022.718.557)	(18.234.910.320.989)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	264.793.262.004	267.134.362.442
- Nguyên giá	228		303.737.928.796	300.842.175.696
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.944.666.792)	(33.707.813.254)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.874.680.143.305	3.920.849.315.339
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	5.874.680.143.305	3.920.849.315.339
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	3.004.813.523.335	3.061.750.993.947
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.168.708.749.121	3.225.646.219.733
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		48.240.000.000	48.240.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(212.135.225.786)	(212.135.225.786)
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.224.558.939	33.773.359.619
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		29.224.558.939	33.773.359.619
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		47.937.480.603.784	48.976.053.820.280

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

00
 00
 01
 DE
 1/1
 1/1

02710-G
 NG TY
 IAM
 TY
 AN
 Ồ CHÍ


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

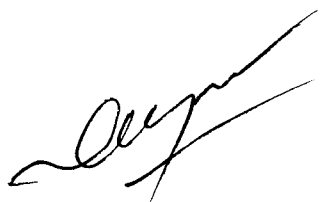
MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.266.078.054.481	13.127.837.102.758
I. Nợ ngắn hạn	310		4.258.355.006.131	8.111.134.894.779
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.451.674.457.011	887.539.403.259
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.131.773.529	17.129.805.604
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	744.905.944.550	1.510.516.472.781
4. Phải trả người lao động	314		59.854.798.465	97.731.691.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	917.210.204.175	1.144.325.270.240
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.927.171.937	35.424.063.091
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	366.984.103.933	2.683.433.688.649
8. Vay ngắn hạn	320	22	467.328.400.334	1.412.515.146.638
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	51.976.730.257	51.976.730.257
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		187.361.421.940	270.542.622.722
II. Nợ dài hạn	330		4.007.723.048.350	5.016.702.207.979
1. Phải trả dài hạn khác	337		11.788.303.192	4.196.036.120
2. Vay dài hạn	338	22	3.726.667.754.659	4.738.647.104.407
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	269.266.990.499	273.859.067.452
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.671.402.549.303	35.848.216.717.522
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	39.671.402.549.303	35.848.216.717.522
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.950.000.000.000	18.950.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.216.727.266	1.216.727.266
3. Cổ phiếu quỹ	415		(40.111.223.937)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.266.595.401.157	11.266.595.401.157
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		128.657.747.553	128.657.747.553
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.365.043.897.264	5.501.746.841.546
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.156.182.609.630	378.107.227.219
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		5.208.861.287.634	5.123.639.614.327
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		47.937.480.603.784	48.976.053.820.280


Đặng Thị Hồng Yến
 Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2015


Mai Hữu Ngân
 Kế toán trưởng




Phạm Đăng Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	27.823.690.300.461		30.341.900.153.797	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		27.823.690.300.461		30.341.900.153.797	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	21.055.395.475.331		22.092.806.434.663	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.768.294.825.130		8.249.093.719.134	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	668.719.308.930		648.739.371.994	
7. Chi phí tài chính	22	29	365.024.917.041		361.403.305.367	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.541.352.361		143.046.630.956	
8. Chi phí bán hàng	25	30	250.407.781.162		190.209.911.568	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	244.921.759.022		595.091.236.726	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.576.659.676.835		7.751.128.637.467	
11. Thu nhập khác	31	31	64.545.752.474		5.737.829.381	
12. Chi phí khác	32	32	48.091.318.483		15.269.254.397	
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		16.454.433.991		(9.531.425.016)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.593.114.110.826		7.741.597.212.451	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	1.315.715.837.563		1.503.443.440.834	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.277.398.273.263		6.238.153.771.617	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34			3.221	


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2015


Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng


Phạm Đăng Nam
Phó Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

(Trình bày lại)

CHỈ TIÊU

Mã số Từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/6/2015

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.593.114.110.826	7.741.597.212.451
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.382.643.221.585	1.427.875.002.939
Các khoản dự phòng	03	(4.592.076.953)	141.365.948.373
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	54.553.918.391	29.610.941.290
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(432.755.270.963)	(633.042.493.860)
Chi phí lãi vay	06	68.541.352.361	143.046.630.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.661.505.255.247	8.850.453.242.149
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	1.539.826.210.399	(375.012.355.766)
Giảm hàng tồn kho	10	45.437.077.766	999.154.403.234
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	128.023.258.215	(2.282.552.394.905)
Giảm chi phí trả trước	12	42.875.271.268	669.756.243.462
Tiền lãi vay đã trả	14	(89.090.423.787)	(146.630.295.587)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.929.557.332.605)	(1.334.020.024.083)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	742.877.374.449	2.617.198.805.394
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.735.358.969.939)	(2.785.007.033.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.406.537.721.013	6.213.340.590.302
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.640.531.215.026)	(1.101.485.549.874)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.956.364
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000.000)	(300.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	239.567.600.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(139.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	158.846.690.000	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	599.376.977.358	561.303.790.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.642.739.947.668)	(979.176.803.476)

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

3500
ÔNG C
K
IỆT
CỘNG
CỔ P
- TP.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU Mã số Từ ngày 01/01/2015 Từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2015 đến ngày 30/6/2014
(Trình bày lại)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(40.111.223.937)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	162.170.491.329	618.252.722.400
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.192.647.398.445)	(942.932.779.387)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.625.214.905.847)	(4.168.882.560.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(5.695.803.036.900)</i>	<i>(4.493.562.616.987)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	<i>(2.932.005.263.555)</i>	<i>740.601.169.839</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	<i>20.982.219.958.289</i>	<i>16.587.405.989.436</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	<i>686.889.491</i>	<i>825.094.609</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>	70	<i>18.050.901.584.225</i>	<i>17.328.832.253.884</i>

Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Mai Hữu Ngạn
Kế toán trưởng



Phạm Đăng Nam
Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM

10271
TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.210 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.126).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

Hoạt động chính của Tổng Công ty là thu gom, nhập khẩu, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

- Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ;
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu;
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
- Công ty Dịch vụ Khí;
- Công ty Quản lý Dự án Khí;
- Ban quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ;
- Công ty Khí Cà Mau;
- Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn;
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau.

Tổng Công ty có 05 công ty con và 01 công ty liên kết. Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i) (iv)	TP HCM	17.631.579	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (i)	Hà Nội	9.946.631	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng	Công ty con
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (ii)	TP HCM	30.300.000	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp	Công ty con
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam (iii)	Vũng Tàu	11.434.000	52,94%	52,94%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	183.840.000	99,99%	99,99%	Sản xuất ống thép	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	6.700.000	35,51%	35,51%	Kinh doanh khí	Công ty liên kết

- (i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.
- (ii) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam được Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 2.770.766 cổ phiếu thưởng.
- (iii) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam được Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 1.224.000 cổ phiếu thưởng.
- (iv) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam được Tổng Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 4.231.579 cổ phiếu thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại lại/trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán ngắn hạn, phải trả khác, chi phí phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

T
N
HI
LI
T
A11027
CÔNG
KHÍ
VIỆT
NAM
CÔNG TY
KHÍ
VIỆT NAM
CỔ PHẦN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

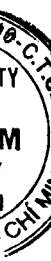
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

10-C.T. TY M I P U



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác (bao gồm các công trình khí)	3 - 20

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí vận hành và khấu hao đường ống khí Nam Côn Sơn (là các khoản chi phí chưa phân bổ tương ứng với doanh thu vận chuyển khí ghi nhận chậm 2 tháng như đã trình bày tại Thuyết minh 25), chi phí quảng cáo và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí bảo hiểm hệ thống dẫn khí. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

110 / T / 01 / P / 11

C P ★ H N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn tại thời điểm phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê diện tích tòa nhà văn phòng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là phần giá trị chênh lệch giữa khối lượng khí giao nhận thực tế thấp hơn so với lượng khí theo định mức bao tiêu giữa Tổng Công ty với khách hàng. Giá trị này sẽ được bù trừ với phần giá trị sử dụng vượt định mức bao tiêu trong các kỳ tiếp theo.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động không được dùng để chia cho cổ đông.

WEN... 1/11



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 200, chi phí tài chính trong kỳ sẽ tăng và lợi nhuận kế toán trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm với số tiền 12,3 tỷ đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.832.576.155	1.543.657.012
Tiền gửi ngân hàng	4.646.512.821.235	3.595.676.301.277
Các khoản tương đương tiền (i)	13.402.556.186.835	17.385.000.000.000
	<u>18.050.901.584.225</u>	<u>20.982.219.958.289</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
Công ty con		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Trong kỳ, các giao dịch giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên kết chủ yếu là hoạt động phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí, mua sắm đầu tư xây dựng cơ bản và hoạt động tài chính liên quan cổ tức, lợi nhuận được chia (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 37).

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	1.475.162.930.183	2.096.807.619.293
Astomos Energy Corporation	427.587.682.500	-
Các khách hàng khác	2.366.860.362.517	2.866.588.093.948
	4.269.610.975.200	4.963.395.713.241
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 37)	2.741.626.357.669	3.608.734.190.266

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn	63.828.819.625	57.170.961.097
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	53.803.672.828	216.841.786.960
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	66.263.371.196	-
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	81.026.896.730	162.620.595.020
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	287.096.405.284
Các đối tượng khác	124.818.189.332	55.851.485.245
	<u>389.740.949.711</u>	<u>779.581.233.606</u>
Trả trước người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 37)	<u>264.922.760.379</u>	<u>734.691.283.174</u>

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ (i)	201.741.158.953	77.443.424.567
Khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	66.202.992.142	54.190.675.035
Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Long	13.843.599.844	13.843.599.844
Phải thu PVC MeKong liên quan đến hợp đồng xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu cổ tức từ Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	45.450.000.000
Lãi dự thu Hợp đồng ủy thác quản lý vốn và tiền gửi có kỳ hạn	97.951.845.330	97.983.819.438
Phải thu về tạm ứng	6.733.739.341	1.421.439.283
Các khoản phải thu khác	7.445.570.253	8.373.540.800
	<u>443.918.905.863</u>	<u>348.706.498.967</u>

(i) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn chủ yếu là số dư các khoản ký quỹ của Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) tại các ngân hàng thương mại để thanh toán cho các giao dịch xuất nhập khẩu.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNTòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. NỢ XẤU**

Đối tượng	30/6/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	51.007.268.095	-	-	51.007.268.095	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	-	Trên 3 năm	50.000.000.000	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	1.007.268.095	-	Trên 3 năm	1.007.268.095	-	Trên 3 năm

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

11. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	418.510.463.699	(62.428.861.865)	390.818.871.499	(62.428.861.865)
Công cụ, dụng cụ	6.170.783.341	-	7.442.187.563	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	109.127.272	-	3.573.500.000	-
Thành phẩm	53.522.337.729	-	95.268.287.278	-
Hàng hoá	657.257.091.670	-	683.904.035.137	-
Cộng	1.135.569.803.711	(62.428.861.865)	1.181.006.881.477	(62.428.861.865)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số vật tư ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ với giá trị là 62.428.861.865 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 62.428.861.865 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm hệ thống dẫn khí	-	15.052.564.169
Chi phí vận hành và khấu hao đường ống khí Nam Côn Sơn	38.276.355.248	38.618.483.288
Chi phí quảng cáo, truyền thông	32.954.916.811	50.466.488.420
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.339.187.505	6.759.394.275
	72.570.459.564	110.896.930.152

01/01/2015

01027
CÔNG
KHÍ
T NA
NG TY
PHẦN
P. HỒ

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	4.669.812.394.960	397.739.426.046	122.397.016.105	134.129.544.066	24.441.826.049.320	29.765.904.430.497
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.077.172.340	-	-	-	29.249.899.661	36.327.072.001
Mua sắm mới	-	6.065.399.000	-	5.433.955.803	563.274.600	12.062.629.403
Thanh lý, nhượng bán	(499.587.889)	-	-	-	-	(499.587.889)
Điều chỉnh theo quyết toán	-	111.601.973	-	-	-	111.601.973
Tại ngày 30/6/2015	4.676.389.979.411	403.916.427.019	122.397.016.105	139.563.499.869	24.471.639.223.581	29.813.906.145.985
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	1.603.013.756.131	303.127.313.883	93.336.307.352	94.341.994.382	16.141.090.949.241	18.234.910.320.989
Trích khấu hao trong kỳ	221.529.116.099	16.639.145.033	5.345.724.799	8.931.516.884	1.124.960.865.232	1.377.406.368.047
Thanh lý, nhượng bán	(293.970.479)	-	-	-	-	(293.970.479)
Tại ngày 30/6/2015	1.824.248.901.751	319.766.458.916	98.682.032.151	103.273.511.266	17.266.051.814.473	19.612.022.718.557
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2015	2.852.141.077.660	84.149.968.103	23.714.983.954	36.289.988.603	7.205.587.409.108	10.201.883.427.428
Tại ngày 31/12/2014	3.066.798.638.829	94.612.112.163	29.060.708.753	39.787.549.684	8.300.735.100.079	11.530.994.109.508

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 7.724.479.952.064 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 386.857.933.336 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 1.056.969.902.204 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.027.720.002.543 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	244.583.078.000	56.259.097.696	300.842.175.696
Tăng trong kỳ	-	2.895.753.100	2.895.753.100
Tại ngày 30/6/2015	244.583.078.000	59.154.850.796	303.737.928.796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	2.636.826.385	31.070.986.869	33.707.813.254
Trích khấu hao trong kỳ	208.530.780	5.028.322.758	5.236.853.538
Tại ngày 30/6/2015	2.845.357.165	36.099.309.627	38.944.666.792
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2015	241.737.720.835	23.055.541.169	264.793.262.004
Tại ngày 31/12/2014	241.946.251.615	25.188.110.827	267.134.362.442

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	5.874.680.143.305	3.920.849.315.339
Trong đó:		
<i>Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2</i>	4.003.421.840.506	2.638.979.832.413
<i>Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình</i>	841.463.217.654	327.078.082.575
<i>Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn</i>	446.583.767.595	442.610.163.723
<i>Kho cảng nhập khẩu LNG Sơn Mỹ</i>	135.596.161.325	135.596.161.325
<i>Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau</i>	127.911.734.885	96.903.108.257
<i>Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải</i>	73.958.842.239	74.432.838.473
<i>Dự án nâng công suất kho chứa LPG Đình Vũ tại Hải Phòng</i>	71.292.114.121	29.100.059.678
<i>Các công trình khác</i>	174.452.464.980	176.149.068.895
	5.874.680.143.305	3.920.849.315.339

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Abu Dhabi National Oil Company	423.577.113.300	-
Astomos Energy Corporation	698.146.168.203	424.462.994.913
Công ty TNHH Một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn	94.703.205.719	146.446.628.404
Các đối tượng khác	235.247.969.789	316.629.779.942
	1.451.674.457.011	887.539.403.259
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 37)	172.815.702.622	234.388.695.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	239.245.713.180	817.962.761.191	970.035.026.729	87.173.447.642
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	243.663.273.180	594.280.756.152	746.353.021.690	91.591.007.642
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(4.417.560.000)	223.682.005.039	223.682.005.039	(4.417.560.000)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.148.658.367	24.084.286.793	22.045.157.676	5.187.787.484
Thuế nhập khẩu	(28.711.297.129)	104.526.962.143	120.830.770.919	(45.015.105.905)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.240.048.337.701	1.335.642.449.033	1.929.557.332.605	646.133.454.129
Tiền thuê đất	-	8.708.192.281	8.708.192.281	-
Các loại thuế khác	20.020.926.376	23.759.731.788	43.548.283.737	232.374.427
Thuế môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.250.944.879	18.072.619.331	37.395.810.678	(72.246.468)
Thuế khác	769.981.497	5.669.112.457	6.134.473.059	304.620.895
Các khoản phải nộp khác	-	8.959.770.310	8.959.770.310	-
Cộng	1.473.752.338.495	2.323.644.153.539	3.103.684.534.257	693.711.957.777

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	36.764.134.286	51.193.986.773
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.510.516.472.781	744.905.944.550

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.417.560.000	8.049.724.957
Thuế nhập khẩu	45.015.105.905	28.711.297.129
Thuế thu nhập cá nhân	1.619.011.619	-
Các loại thuế khác	142.309.249	3.112.200
Cộng	51.193.986.773	36.764.134.286

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	91.591.007.642	247.295.438.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp	646.133.454.129	1.240.048.337.701
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.187.787.484	3.148.658.367
Thuế thu nhập cá nhân	1.546.765.151	19.250.944.879
Các loại thuế khác	446.930.144	773.093.697
Cộng	744.905.944.550	1.510.516.472.781

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNTòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	12.368.706.985	30.899.986.496
Trích trước chi phí mua khí Cửu Long	758.516.426.580	860.775.750.065
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85.688.127.993	104.740.368.760
Trích trước chi phí thuê vận hành giàn nén VSP	-	10.812.876.882
Trích trước chi phí mua khí Hải Thạch - Mộc Tinh	-	56.833.720.666
Trích trước chi phí mua khí Nam Côn Sơn	-	24.471.365.201
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	22.103.947.615	15.449.452.898
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	9.641.080.132	13.114.873.205
Các khoản khác	28.891.914.870	27.226.876.067
	<u>917.210.204.175</u>	<u>1.144.325.270.240</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	646.586.264	2.299.782.843.111
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (i)	93.285.354.984	92.607.923.143
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (i)	180.048.043.427	179.161.728.584
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (ii)	50.747.555.997	77.135.056.337
Các khoản khác	42.256.563.261	34.746.137.474
	<u>366.984.103.933</u>	<u>2.683.433.688.649</u>

- (i) Các khoản phải trả thể hiện phần vốn góp và lợi nhuận được chia của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long từ việc đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" như trình bày tại Thuyết minh số 20.
- (ii) Số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh khoản chi phí dịch vụ quản lý phải trả theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chi phí dịch vụ quản lý hàng năm theo mức 0,05% và 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

20. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

- Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần: 70%
- Phần vốn góp của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ: 20%
- Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long: 10%

T.N.H.H
LỢI35001
CÔNG TY
KHÍ
VIỆT
NAM
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TP.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (Tiếp theo)

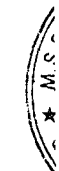
Dưới đây là số liệu về tình hình hoạt động của hợp đồng hợp tác kinh doanh này trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Nguyên giá tài sản cố định	726.241.790.840	726.241.790.840
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	78.071.776.411	68.021.540.593
Giá trị còn lại của tài sản cố định	648.170.014.429	658.220.250.247
	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu của hợp đồng hợp tác kinh doanh	30.367.826.713	11.375.588.861
Giá vốn của hợp đồng hợp tác kinh doanh	23.234.516.686	22.871.577.404
Chi phí khác của hợp đồng hợp tác kinh doanh	354.301.350	93.797.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.491.381.909	-
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.287.626.768	(11.589.786.009)
Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:		
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	3.723.980.084	(8.112.850.206)
- Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	886.314.843	(2.317.957.202)
- Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	677.331.841	(1.158.978.601)

21. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>30/6/2015</u> VND	<u>31/12/2014</u> VND
Nợ ngắn hạn		
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng giàn nén	51.976.730.257	51.976.730.257
Nợ dài hạn		
Trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng các công trình khí	269.266.990.499	273.859.067.452
	<u>321.243.720.756</u>	<u>325.835.797.709</u>

Tổng Công ty thực hiện trích dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng một số giàn nén trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa, và trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí bằng 1% giá trị công trình khí, theo chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 927/TC/TCĐN ngày 15 tháng 3 năm 2000. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VAY

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.384.020.890.688	2.384.020.890.688	28.744.000.000	844.604.890.688	1.568.160.000.000	1.568.160.000.000
Ngân hàng Cathay United Bank	1.603.500.000.000	1.603.500.000.000	30.000.000.000	-	1.633.500.000.000	1.633.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	810.530.829.028	810.530.829.028	154.537.491.329	521.219.490.729	443.848.829.628	443.848.829.628
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	653.055.977.667	653.055.977.667	-	118.238.176.167	534.817.801.500	534.817.801.500
Ngân hàng Standard Chartered	631.897.777.445	631.897.777.445	13.299.999.993	645.197.777.438	-	-
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	62.120.252.352	62.120.252.352	1.266.811.071	63.387.063.423	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	6.036.523.865	6.036.523.865	7.633.000.000	-	13.669.523.865	13.669.523.865
Cộng	6.151.162.251.045	6.151.162.251.045	235.481.302.393	2.192.647.398.445	4.193.996.154.993	4.193.996.154.993

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng 1.412.515.146.638

Số phải trả sau 12 tháng 4.738.647.104.407

467.328.400.334

3.726.667.754.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VAY (Tiếp theo)**

Các khoản vay của Tổng Công ty là các khoản vay tín chấp, được giải ngân bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ để phục vụ cho việc đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Tổng Công ty. Chi tiết số tiền vay theo đồng tiền giải ngân và nhận nợ như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay bằng USD	3.201.660.000.000	4.007.918.029.797
Vay bằng VND	992.336.154.993	2.143.244.221.248
	<u>4.193.996.154.993</u>	<u>6.151.162.251.045</u>

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi. Lãi suất trong năm là từ 8,0% đến 9,8%/năm đối với Đồng Việt Nam, từ 0,75% đến 4,2%/năm đối với đồng Đô la Mỹ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	467.328.400.334	1.412.515.146.638
Trong năm thứ hai	563.767.449.809	646.529.824.804
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.162.900.304.850	3.588.048.481.057
Sau năm năm	-	504.068.798.546
	<u>4.193.996.154.993</u>	<u>6.151.162.251.045</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	467.328.400.334	1.412.515.146.638
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.726.667.754.659</u>	<u>4.738.647.104.407</u>

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND							
Số dư tại ngày 01/01/2014	18.950.000.000.000	1.216.727.266	-	-	8.182.249.669.456	2.640.908.356.774	128.657.747.553	3.100.544.872.944	33.003.577.373.993
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	14.294.295.464.941	14.294.295.464.941
Trích lập các quỹ	-	-	-	685.369.856.285	1.370.739.712.570	-	-	(2.056.109.568.855)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(440.257.782.167)	(440.257.782.167)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(10.422.500.000.000)	(10.422.500.000.000)
Điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông năm 2014	-	-	-	(1.612.672.193.928)	-	-	-	1.612.672.193.928	-
Quyết toán lượng khí trên bao tiêu nộp về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-	(582.827.540.832)	(582.827.540.832)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2012 của Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn	-	-	-	-	-	-	-	(4.070.798.413)	(4.070.798.413)
Số dư tại ngày 31/12/2014	18.950.000.000.000	1.216.727.266	-	7.254.947.331.813	4.011.648.069.344	4.011.648.069.344	128.657.747.553	5.501.746.841.546	35.848.216.717.522
Trình bày lại theo Thông tư 200/TT-BTC	-	-	-	4.011.648.069.344	(4.011.648.069.344)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	18.950.000.000.000	1.216.727.266	-	11.266.595.401.157	-	128.657.747.553	5.501.746.841.546	35.848.216.717.522	35.848.216.717.522
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	5.277.398.273.263	5.277.398.273.263
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	-	(68.536.985.629)	(68.536.985.629)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.326.078.649.000)	(1.326.078.649.000)
Mua cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	-	(40.111.223.937)	-	-	-	-	(40.111.223.937)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo kết quả thanh tra của Tổng cục Thuế	-	-	-	-	-	-	-	(19.485.582.916)	(19.485.582.916)
Số dư tại ngày 30/6/2015	18.950.000.000.000	1.216.727.266	(40.111.223.937)	11.266.595.401.157	-	128.657.747.553	9.365.043.897.264	39.671.402.549.303	39.671.402.549.303

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNTòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

- (i) Tổng Công ty thực hiện tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền 68.536.985.629 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên từ lợi nhuận năm 2015 sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016.
- (ii) Theo Nghị quyết số 01/NQ-KVN ngày 08 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ trong quý 1 năm 2015 với khối lượng mua là 601.930 cổ phiếu, giá mua bình quân là 66.637,69 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Chủ sở hữu/Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2015	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.328.359.000.000	96,72%	18.328.359.000.000	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	621.641.000.000	3,28%	621.641.000.000	621.641.000.000
	18.950.000.000.000	100%	18.950.000.000.000	18.950.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.895.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

	30/6/2015	31/12/2014
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.895.000.000	1.895.000.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	601.930	-
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.894.398.070	1.895.000.000
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ tức:

Theo Nghị quyết số 59/NQ-DHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015, Tổng Công ty đã công bố và chi trả cổ tức đợt 3 từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 với số tiền là 1.326.078.649.000 đồng (tương đương với 700 đồng/cổ phần).

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
USD	9.826.428,32	9.332.939,28
EUR	28,81	28,81

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán khí khô	17.283.957.931.537	17.534.611.966.637
Doanh thu bán LPG	8.321.922.766.185	10.421.315.623.011
Doanh thu vận chuyển khí	1.879.025.871.094	1.808.609.931.211
Doanh thu bán condensate	240.842.867.923	472.772.773.711
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	21.395.484.155	7.962.912.203
Doanh thu khác	76.545.379.567	96.626.947.024
	27.823.690.300.461	30.341.900.153.797
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh 37)	10.330.911.939.079	11.971.618.465.138

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và chi phí mua khí của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 5 và tháng 6 năm 2015 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền lần lượt khoảng 5.721 tỷ đồng và 4.370 tỷ đồng (doanh thu và chi phí mua khí phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2014 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền lần lượt khoảng 5.029 tỷ đồng và 4.250 tỷ đồng).

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Giá vốn bán khí khô	12.673.857.735.252	12.295.576.832.807
Giá vốn bán LPG	7.480.962.157.618	8.810.502.975.786
Giá vốn vận chuyển khí	686.635.772.561	698.842.103.799
Giá vốn bán condensate	163.917.080.229	216.483.074.607
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	16.371.898.658	16.010.104.183
Giá vốn khác	33.650.831.013	55.391.343.481
	21.055.395.475.331	22.092.806.434.663

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.099.723.898.460	3.176.738.157.336
Chi phí mua khí từ các chủ mỏ	10.567.658.905.429	9.894.342.108.865
Chi phí nhân công	161.434.277.376	165.885.449.980
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.382.643.221.585	1.427.875.002.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	723.928.614.472	658.616.821.448
Chi phí khác	337.175.174.847	668.036.505.591
	15.272.564.092.169	15.991.494.046.159

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	512.341.040.687	551.407.606.665
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.789.048.855	15.701.834.498
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	101.909.219.388	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.680.000.000	81.629.930.831
	668.719.308.930	648.739.371.994

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	68.541.352.361	143.046.630.956
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.556.866.665	21.206.993.641
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	54.553.918.391	29.610.941.290
Tồn thất các khoản đầu tư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	214.889.059.887	166.145.353.299
Lỗ thanh lý khoản đầu tư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.080.311.815	-
Chi phí tài chính khác	403.407.922	1.393.386.181
	365.024.917.041	361.403.305.367

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí vận chuyển	177.178.081.346	141.888.234.941
Chi phí quảng cáo	44.887.205.692	27.670.449.955
Các khoản chi phí bán hàng khác	28.342.494.124	20.651.226.672
	250.407.781.162	190.209.911.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Phí quản lý phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.526.484.395	111.288.420.209
Lợi thế kinh doanh	-	341.217.322.506
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	144.395.274.627	142.585.494.011
	244.921.759.022	595.091.236.726

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Bồi thường bảo hiểm tổn thất đường ống PM3	22.267.320.000	-
Thu nhập thanh lý dự án thu gom khí Đại Hùng	38.832.112.356	-
Các khoản khác	3.446.320.118	5.737.829.381
	64.545.752.474	5.737.829.381



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	205.617.410	14.870.917.362
Chi phí thanh lý dự án thu gom khí Đại Hùng	38.832.112.356	-
Các khoản khác	9.053.588.717	398.337.035
	48.091.318.483	15.269.254.397

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.593.114.110.826	7.741.597.212.451
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(39.680.000.000)	(81.629.930.831)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.996.821.448	2.907.144.374
Thu nhập chịu thuế	6.557.430.932.274	7.662.874.425.994
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.315.715.837.563	1.503.443.440.834

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, hưởng mức thuế suất 7,5% trong 7 năm tiếp theo và mức thuế suất 15% trong 2 năm sau đó đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.277.398.273.263	6.238.153.771.617
- Lợi nhuận phải trả cho các bên tham gia liên doanh	-	(3.476.935.803)
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	68.536.985.629	137.073.971.257
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.208.861.287.634	6.104.556.736.163
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	1.894.693.895	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.749	3.221

Tổng Công ty quyết định trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Theo đánh giá của Tổng Công ty, việc trình bày thêm chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính riêng cùng với việc trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty sẽ giúp người đọc báo cáo tài chính có thông tin đầy đủ hơn về hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ nói riêng và toàn Tổng Công ty nói chung.

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

i) Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Kho chứa LNG quy mô 1 triệu tấn/năm tại Thị Vải	951.815.598.567	951.341.602.333
Dự án thu gom và phân phối khí mỏ Hàm Rồng và Thái Bình lô 102 và 106	1.083.536.782.346	338.060.131.198
Công trình Mở rộng hệ thống thu gom khí mỏ Rồng giai đoạn 1	419.028.936.932	420.023.419.160
	2.454.381.317.845	1.709.425.152.691

ii) Cam kết khác

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh:

Cam kết mua hàng

<u>Cam kết mua hàng</u>	<u>Sản lượng cam kết</u>	<u>Thời gian cam kết</u>
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 06.1	Tối thiểu là 2,7 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 06.1
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 11.2	Tối thiểu là 1,216 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 11.2
Cam kết mua khí từ chủ khí Lô 05.3 và 05.2	Tối thiểu 1,3 tỷ m ³ /năm	Đến hết giai đoạn bình ổn của Lô 05-2 và Lô 05-3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Cam kết bán hàng

Cam kết bán hàng	Sản lượng cam kết	Thời gian cam kết
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 1,85 tỷ m3	Trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m3	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT)	Tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m3	Đến năm 2023
Bán khí Nam Côn Sơn cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Tối thiểu hàng năm là 0,447 tỷ m3	Trong giai đoạn bình ổn theo Hợp đồng
Bán khí Nam Côn Sơn cho Công ty Cổ Phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	Tối thiểu hàng năm là 0,785 tỷ m3	Đến 30 tháng 6 năm 2036

Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc cung cấp khí cho các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ nguồn bể khí Nam Côn Sơn. Việc cung cấp khí được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2009. Hợp đồng cung cấp khí giữa các bên có xác định mức bao tiêu khí hàng năm, nhưng chưa có quy định về đơn giá áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu (nếu có) này. Tổng Công ty đang ghi nhận doanh thu bán khí đối với lượng khí giao vượt trên định mức bao tiêu trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo đơn giá tạm tính.

Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang trong quá trình thương thảo để thống nhất đơn giá bán khí áp dụng cho lượng khí giao nhận vượt trên định mức bao tiêu quy định trong hợp đồng mua bán khí nêu trên. Số chênh lệch doanh thu (nếu có) khi áp dụng đơn giá bán khí mới sẽ được Tổng Công ty điều chỉnh và ghi nhận vào kết quả kinh doanh của các kỳ tiếp theo ngay khi thống nhất với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	4.193.996.154.993	6.151.162.251.045
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	18.050.901.584.225	20.982.219.958.289
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	39.671.402.549.303	35.848.216.717.522
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.050.901.584.225	20.982.219.958.289
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.183.635.656.333	1.643.875.000.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu khác	4.661.638.686.814	5.261.094.944.113
Tổng cộng	26.896.175.927.372	27.887.189.902.402
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.193.996.154.993	6.151.162.251.045
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	1.881.394.019.218	3.626.779.239.284
Chi phí phải trả ngắn hạn	917.210.204.175	1.144.325.270.240
Tổng cộng	6.992.600.378.386	10.922.266.760.569

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất hay rủi ro về giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

001.1
CÔN
CH NH
DEL
VIỆT
G DA

10-CT.1
TY
M
Y
V
CH MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.473.449.588.065	6.016.896.876.063	1.001.289.896.818	1.371.203.777.588

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng 5% so với Đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 5% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm như sau:

	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
	đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(173.607.984.562)	(149.035.264.955)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ ảnh hưởng như sau:

	Tăng/(Giảm)	Ảnh hưởng đến
	số điểm cơ bản	lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015		
VND	+200	(42.059.556.030)
VND	-200	42.059.556.030
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014		
VND	+200	(51.117.971.834)
VND	-200	51.117.971.834

115
G
M
11
11



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tổng Công ty có một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng với số tiền là 51.007.268.095 đồng. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền là 51.007.268.095 đồng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.050.901.584.225	-	-	18.050.901.584.225
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.183.635.656.333	-	-	4.183.635.656.333
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	4.661.638.686.814	-	-	4.661.638.686.814
Tổng cộng	26.896.175.927.372	-	-	26.896.175.927.372
30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	467.328.400.334	3.726.667.754.659	-	4.193.996.154.993
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả khác	1.869.605.716.026	11.788.303.192	-	1.881.394.019.218
Chi phí phải trả ngắn hạn	917.210.204.175	-	-	917.210.204.175
Tổng cộng	3.254.144.320.535	3.738.456.057.851	-	6.992.600.378.386
Chênh lệch thanh khoản thuần	23.642.031.606.837	(3.738.456.057.851)	-	19.903.575.548.986

N: 350
 TỔNG
 VIỆ
 CỔ
 CỔ
 9E - T

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.982.219.958.289	-	-	20.982.219.958.289
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.643.875.000.000	-	-	1.643.875.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.261.094.944.113	-	-	5.261.094.944.113
Tổng cộng	27.887.189.902.402	-	-	27.887.189.902.402

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay	1.412.515.146.638	4.234.578.305.861	504.068.798.546	6.151.162.251.045
Phải trả người bán và phải trả khác	3.622.583.203.164	4.196.036.120	-	3.622.779.239.284
Chi phí phải trả	1.144.325.270.240	-	-	1.144.325.270.240
Tổng cộng	6.179.423.620.042	4.238.774.341.981	504.068.798.546	10.922.266.760.569

Chênh lệch thanh khoản thuần	21.707.766.282.360	(4.238.774.341.981)	(504.068.798.546)	16.964.923.141.833
-------------------------------------	---------------------------	----------------------------	--------------------------	---------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Bên liên quan**

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Các công ty con, liên kết của Tổng Công ty

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Tổng Công ty

Các đơn vị cùng chủ sở hữu

Các đơn vị do Tổng Công nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty	3.595.150.203.693	4.987.367.741.923
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	2.193.698.932.283	3.030.258.035.564
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	839.182.408.193	1.157.171.878.804
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	283.503.109.119	350.283.349.005
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	278.765.754.098	449.654.478.550
Các bên liên quan khác	6.735.761.735.386	6.984.250.723.215
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.805.689.853.527	3.242.960.011.140
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.424.540.851.190	1.367.942.190.539
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	961.646.339.997	1.545.292.344.421
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	264.949.073.295	520.095.346.500
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	170.663.840.529	105.163.492.285
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	108.271.776.848	202.797.338.330
	10.330.911.939.079	11.971.618.465.138

0102
 CÔNG
 KHÍ
 VIỆT
 NAM
 TỔNG
 CÔNG
 TY
 CỔ
 PHẦN
 P. HỒ

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
<i>Các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty</i>	<i>747.621.896.757</i>	-
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	597.024.890.743	-
Công ty Cổ phần Ống thép Dầu khí Việt Nam	150.597.006.014	-
<i>Các bên liên quan khác</i>	<i>8.062.667.063.622</i>	<i>7.993.505.817.909</i>
Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam	5.676.498.850.592	6.545.390.882.391
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	682.483.059.066	511.528.618.417
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	497.201.496.329	85.423.822.764
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	492.248.252.080	124.818.709.654
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	421.674.165.839	611.407.868.173
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	122.692.736.122	81.799.994.457
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	92.586.548.415	33.135.922.053
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí	42.928.198.399	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	34.353.756.780	-
	8.810.288.960.379	7.993.505.817.909
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.699.870.971	8.729.951.725

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.900.000.000.000	1.300.000.000.000
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	1.475.162.930.183	2.096.807.619.293
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	384.464.157.434	576.096.765.236
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	298.914.440.194	308.460.902.893
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	167.838.025.870	38.452.158.941
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	106.621.942.902	169.593.146.342
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	103.301.046.302	111.773.115.576
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	87.346.362.748	80.028.971.769
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	86.249.029.667	200.690.469.994
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	31.728.422.369	26.831.040.222
	2.741.626.357.669	3.608.734.190.266
Trả trước người bán ngắn hạn		
Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn	63.828.819.625	57.170.961.097
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	53.803.672.828	216.841.786.960
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	66.263.371.196	3.258.904.048
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	81.026.896.730	170.323.225.785
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	287.096.405.284
	264.922.760.379	734.691.283.174

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau (Tiếp theo):

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	-	45.450.000.000
	50.000.000.000	95.450.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	94.703.205.719	146.446.628.404
Liên doanh Việt - Nga VietsovPetro	47.198.782.516	68.643.048.927
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	30.913.714.387	19.299.018.521
	172.815.702.622	234.388.695.852
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	780.620.374.195	876.225.202.963
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	-	30.061.070.465
	780.620.374.195	906.286.273.428
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	180.048.043.427	179.161.728.584
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	58.339.823.069	2.376.239.676.337
	238.387.866.496	2.555.401.404.921

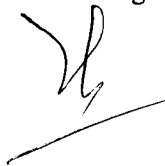
38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ


Ngày 10 tháng 8 năm 2015, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 84/NQ-KVN về việc Thông qua nội dung tờ trình xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Theo đó, khối lượng dự kiến phát hành là 18.950.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần với giá phát hành là 20.000 đồng/cổ phần.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

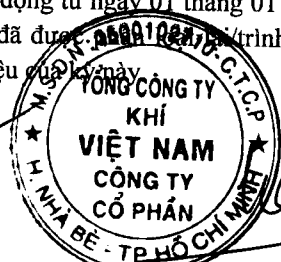
Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, các số liệu này đã được soát xét và đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.


Đặng Thị Hồng Yến
Người lập biểu


Mai Hữu Ngân
Kế toán trưởng


Phạm Đăng Nam
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2015